

Số: 08/2022/QĐST-HNGĐ

N, ngày 18 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 310/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2020
giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị N, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn H 1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị đơn: Anh Đinh Văn H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Công Nhân Công ty Huynh Đại Thành Công.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10
tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản
ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2022 là hoàn
toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và
hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị N và anh Đinh Văn
H.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Có 02 con chung là các cháu Đinh Bảo A, sinh ngày 10/9/2019 và Đinh Bảo N, sinh ngày 04/6/2021 (hiện nay đang ở cùng với chị N tại thôn H, xã Q). Hai bên thống nhất chị N được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi (trừ trường hợp có thay đổi khác).

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Bảo A, sinh ngày 10/9/2019 cùng chị N mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 01/2022 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom con chung. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo thỏa thuận, thì hàng tháng anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.2 Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không yêu cầu Tòa án ghi nhận.

2.3 Về án phí: - *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị N nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- *Án phí cấp dưỡng:* Chị N nhận nộp thay cho anh H theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000730 ngày 11/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã S.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

HÀ MINH LỰC